

## CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOÀNG QUYẾT

### QUYỂN 7 (PHẦN 2)

Kế nêu dụ cho trong Đại luận Bà-sa đều nương cây dụ cho đạo phẩm, nên gọi là Đạo thọ, hai luận đều rất giống với văn này, nhưng nay kết quả vị ở Sơ trụ có khác với Bà-sa, trong đó lại có hai.

Ban đầu khác nhau y cứ về đạo phẩm vô tác, kế y cứ chung ba quán, văn đầu có dụ cho hợp kết, thí và hợp văn đều thiếu như ý, thí như trong đó nói: Thân cây vượt lên cao vót, tức như y tác, pháp tánh ở sau hợp, trước chánh hợp.

Kế nói quả trên khác tên, đạo phẩm thiện tri thức ở sau kết trước hợp dụ cho, theo trong phương tiện có ba thứ tri thức.

1- Dẫn dắt khiến đến đảo châu báu, tức đồng hành.

2- Do đạo phẩm này khiến thực hành không lầm, là nghĩa Giáo thọ, các phẩm phòng hộ vọng lầm không xâm phạm tức nghĩa ngoại hộ.

3- Nhẫn nhục là y pháp hỷ làm thức ăn, giúp cho tuệ mạng được lợi ích để định thân, đều là nghĩa ngoại hộ.

Do ba tri thức này khiến vào Sơ trụ ba thân chánh giác, có thể vì chúng sinh làm chân thiện tri thức, thông suốt ở sau y cứ ba đế, trước chỉ y cứ viên biệt biệt đối vị, này y cứ chung đế mỗi đế, đều nói rõ ở giữa trước biệt đối.

Kế đối chung, hai đối chung riêng chỉ nương văn dụ, chẳng phải y cứ tu hành. Lại y cứ dọc vị để dụ cho viên, quán hạnh làm lá, tương tự làm hoa, phân chân làm quả, hoặc y cứ chung bốn giáo y cứ theo thuyết nên biết.

Kế nói ba môn giải thoát: Là nói công năng của đạo phẩm.

Trong Đại luận hai mươi một hỏi: Niết-bàn chỉ có một môn vì sao là ba ư?

Đáp: Pháp một mà nghĩa có ba, ba chỉ là một, lại tùy theo người khác nhau nên chia ra có ba pháp khác nhau kiến hạnh từ hư không, ái hạnh từ vô tác, kiến ái, v.v... là từ vô tướng, luận hạn cuộc về ba tạng nay chung ba giáo, Biệt giáo sơ tâm đồng hai giáo, các giáo đều do chứng đạo làm thành vô lậu, chỉ có Viên giáo nghĩa thông, trong sáu tức nói khác, cho nên nay văn giải thích đạo phẩm xong.

Kế cũng nói ba môn giải thoát, nếu theo văn chánh ý, chỉ nên nói ba giải thoát vô tác cùng là so sánh biết khiến cho biết vô tác, cho nên nói đủ các giáo ba thoát, ở giữa trước nói ý nêu bày tên gọi.

Kế chánh giải thích chặng giữa trước gồm giải thích.

Kế trải qua giáo, ban đầu văn trước nói Vương thần bên chánh thân sơ; kế y cứ phục đoạn; ba y cứ danh thể, vì chung riêng, các giáo đều có ba nghĩa khác nhau, y cứ theo mong Thánh giáo, không thể chuyên nhất, nên đều nói hoặc, ở sau y cứ giáo để giải thích, nhưng chú giải nói rằng: Lại không có phân biệt, nên tùy theo giáo ấy nêu ra tướng trạng kia.

Ban đầu Vương thần giữa và trước nói Tam-muội là Vương.

Kế nói ba môn giải thoát là vương, ba môn giải thoát từ tuệ Tam-muội từ định, hư khác nhau với trên đặt hai tên, do hai thứ người vào vô lậu khác, nên có Tam-muội ba thoát khác nhau, do đích thân vào vô lậu là vương, bằng trợ giúp phát là thần, kiếm cùng tư duy thuộc về tuệ, tức là từ tuệ phát định, từ định phát tuệ, theo đây nên biết, đoạn phục danh thể từ mười văn rất dễ thấy.

Kế lịch giáo: Ban đầu ba tạng giáo y cứ mười sáu hạnh để chia ra ba môn. Trong Câu-xá Bà-sa các văn đều như vậy, chỉ tâm Tam-muội cho đến ba môn giải thoát, xen làm vương thần, các luận không nói, nên trong ba tạng do quán hạnh này, trên nhãn phát chân, nên dùng hạnh đây làm ba môn. Lại hành tướng này chỉ lấy ba môn ấy thứ đồng phán xét thuộc về môn. Thông giáo từ ban đầu chỉ quán huyễn hóa, cho nên lại không y cứ mười sáu hạnh, nhưng y cứ quán không để nói rõ ba tướng, lại y cứ định tuệ để nói vương thần, ba nghĩa như không, v.v... tuy đều thuộc quán huyễn, không ngại cũng có vương thần khác nhau, cũng do nhập đạo căn khác.

Ban đầu trong môn không dẫn đủ xưa nay giải thích bốn luận, đã là xưa nay xen nhau nêu ra khác nhau, nay đều dẫn ra để chứng quả thật, giáo này có ba môn khác nhau ba tạng ba môn thể khác, trong đây đặc không tức vô tướng nguyện.

Kế nói Biệt giáo trước y cứ chung ba quán. Kế y cứ Biệt giáo nói

xuất giả. Ý văn đầu, tức dùng ba quán làm ba Tam-muội, ba môn giải thoát cũng như vậy, trong mỗi đế chỉ tức Tam-muội, quán tức ba môn giải thoát, vương thần phục đoạn đồng y theo ba trang đế nói, tức do Sơ địa làm thành vô lậu.

Kế Biệt giáo nói về xuất giả, y cứ một đế này đã là nghĩa lập ba, nên biết cũng đủ các nghĩa Vương thần, ở trong Biệt giáo lập hai giải thích, y cứ giáo chỉ chung tuy có đủ ba đề, không đặc ý là chỉ ở giả, cho nên giáo này cần phải giải thích hai cách, lại một giáo chỉ chung tuy đủ ba đế, nếu nhập chứng đạo thì không còn gọi là biệt, cho nên Biệt giáo chỉ ở giả, phạm giải thích nghĩa Biệt đều y theo đây, đã y cứ lược xuất giả để giải thích ba môn, cũng chung hạnh hưởng làm thành vô lậu, nên trong kinh Đại Tập chép: Muốn độ chúng sinh tu ở không, được thì các pháp tu vô tướng, không xả các cõi tu vô nguyện, há chẳng phải thuận ở xuất giả để lập ba môn, xuất giả còn như vậy, làm sao nhậm vận đủ giả nghĩa cầu.

Kế nói Viên giáo. Trước giải thích ba giáo giải thích thẳng như vậy. Nay nói Viên giáo là riêng tóm lược, là phải biết ba pháp trước thông suốt nêu bày sơ lược, văn này chánh ý, Biệt giáo ở ba môn Viên giáo khác với trước, Viên giáo Vương thần cũng lại cách xa, nên trong Viên giáo không tức vô tướng, vô tác. Nói tự thông giáo ý lại thường trái, định tuệ thể một, viên phục viên đoạn, nên gọi là diệu thể hai nghĩa dung thông, ở trước dẫn văn luận bao gồm so sánh quyết định.

Kế chánh giải thích

Ban đầu so sánh quyết định, sở duyên khác nhau môn năng thông khác, sở duyên tức là Sơ trụ vô lậu, nên cũng khiến cho cận viên của năng thông cũng khác, trí là đồng. Là nói thể không chẳng đồng, người trí nói cũng thông Biệt giáo cho đến tiếp cận với thông, nay chỉ ở Viên thành viên ba môn giải thoát, không tức bất không đều cùng tột của năng thông, nên đều gọi là Trung, đều thấy được tánh, lại không của sở kiến không chẳng có đại tiểu, do trí khác đại tiểu nên gọi là sinh, vì thế trong đây do trí phán xét không, trí đã viên dung hai không thì hợp, hợp nên gọi là Trung lại có thể thấy tánh, lại Nhị thừa ở sau nói nhân nói rằng đại tiểu mười tám không khác nhau, nếu được không này sẽ đủ mười tám, cho nên kế đây nói rõ mười tám không, nếu không chẳng đồng thì các môn tự khác nhau, cho nên Nhị thừa quán mười tám không, như xem việc trong mộng, nay Viên giáo ở sau Đại có phân mười tám không, hàng Viên giáo quán như quán minh pháp, pháp như vô minh việc mộng như chấp tướng, chấp tướng nhánh ngọn vô minh làm gốc,

cho nên việc mộng phải nương manh pháp, nên quán vô minh, tức thấy thật tướng, chỉ quán chấp tướng thì chỉ có thấy chân lý, nếu phân biệt với Nhị thừa thì không khác nhau, thì hai giáo Nhị thừa và thông biệt nhập không, nhậm vận rất dễ biết, dầu khiến Biệt giáo nói ở bất không, chẳng phải sơ tâm quán cần gì so sánh quyết, nên đều không đồng với Viên giáo chẳng, nên chỉ y cứ Nhị thừa, không nói các giáo, do trong văn này nghĩa còn hàm ẩn cho nên văn sau lại phân biệt trùng lập. Như trước ở sau chánh chỉ bày môn tướng, trước nương trước tu Trung quán trong ba giả để nói ba tướng, nên nói như trước, đã dùng bốn câu quán phá vô minh tức, đủ hai không đều chẳng thật có, tức là không môn chẳng thấy tướng bốn môn, tức nối tiếp giả phá, còn không có pháp tánh đâu có vô minh, cho nên phân ra bốn môn khác, tức môn vô tướng, môn chỉ là câu, tức là bốn câu, cũng có chân có duyên nên có năng sở, vì có năng sở nên có tác giả, nay chẳng phải nhân duyên nên không có tác giả tức môn vô tác, tuy nương ba giả thật không có trước sau, trước trong Thông giáo còn không tức vô tướng và vô tác, hướng chi viên diệu lại lập thứ lớp. Vương thân nói: Cũng đủ ba nghĩa không đồng với trước, nói ba môn tức nhau như vậy, v.v... lại bốn môn ở sau nói mỗi môn ba thoát, mỗi môn xen thông, như đây ở sau lại lập y cứ giáo để nói không khác, ban đầu kết thành viên môn, nên nói ba môn ý chẳng phải thứ lớp, Biệt tuy ở sau vẫn thừa nhận Biệt giáo cũng duyên thật tướng, vì thứ lớp nên không đồng với Viên giáo, lại khác, v.v... cũng khác nhau biệt so sánh lại Tạng Thông, có thể biết khác tướng mới có thể quán đồng, cho nên khuyên chúng sanh phải khéo biết, lại trong Hoa Nghiêm ở sau y cứ năm vị để phán xét.

Văn đầu chánh y cứ năm vị để phán.

Nói Bốn niệm xứ chỉ là quán ấm, nếu đối Niết-bàn thành năm giải thoát, giải thoát chỉ là tạng bí mật, niệm xứ đã ở đầu đạo phẩm, nhưng thọ khô tươi lại nghĩ tiêu biểu chỗ, cho nên lại y cứ khô tươi để phán xét. Ban đầu trong Hoa Nghiêm tuy có hai nghĩa, văn thường nói riêng, nên nói thiên nhiều bốn món tươi khô, cho nên trụ trước mười món phạm hạnh hoàn toàn nói nghĩa riêng, Sơ trụ tức nói lược nghĩa viên.

Nhị trụ trở đi cho đến phẩm Thập địa nói nhiều về nghĩa biệt. Tuy trong hành hưởng phân biệt ở hai môn hành bố của Phổ Hiền, mà trong các vị Phổ Hiền nghĩa ít, phẩm nhập pháp giới chỉ có thấy ngài Di-lặc, Văn-thù, Phổ Hiền nói rộng về viên dung, còn bao nhiêu thiện tri thức, phần nhiều nói tướng riêng, nên nay nói hơn bốn pháp tươi khô

trong ba tạng rất dễ hiểu. Trong Phương Đăng Bát-nhã, khắp nơi tuy có nghĩa Viên, phần nhiều điều phục Bồ-tát độn căn và người Nhị thừa, cho nên trong kinh Tịnh Danh phân tích Thinh văn thấp hơn Bồ-tát, nghĩ đến cái gốc, bỏ đi cái hoá chuốc lấy chê bai, nghe việc không thể nghĩ bàn cũng như gốc hư, thấy Đại sĩ hiện kiến tư thấp như mù, mới tin Đại thừa rất sâu, phục các chí lớn của Bồ-tát, đến hội Bát-nhã mới bỏ được nghiệp, nên Phật thêm vào để nói hai không, cho nên hai thời ý giáo phần nhiều điều nói khô để nhập tươi, khiến người Nhị thừa hơi thành Thông Biệt, tuy chưa hiển bày nói nghĩa đã thành tươi, đến thời Pháp Hoa hội các tươi khô nhập chẳng phải khô tươi, bấy giờ mới được Phật thọ ký, hơn nữa thuận theo Đại kinh, chưa có nói, tức nói hạc lâm lập bày giáo hóa đã đủ, hai kinh đồng vị tuy vượt mà bao gồm, cho nên phán xét là rất độn căn, lại đến song thọ, Phương Đăng Bát-nhã hiển mất nhập mật nên nói Bồ-tát xứ đặc nhập đã dẫn trong kinh Niết-bàn, xa chỉ trong kinh Pháp Hoa, cho nên kinh Pháp Hoa là đề hộ chánh chủ, cho nên trong kinh dụ mùa thu thu, mùa đông chứa, đến thời Niết-bàn cũng như thu hoạch, nên trong Đại kinh quyển chín nói. Thí như đem tối hoặc tất cả việc làm, tất cả đều dứt, việc ấy chưa xong, phải đợi ngày mai. Người học Đại thừa phải đợi ngày Vô thượng Đại Niết-bàn, kinh này xuất thế như quả hột kia phần nhiều được lợi ích an vui tất cả khiến cho chúng sinh thấy tánh Như lai, như trong Pháp Hoa có tám ngàn Thinh văn được thọ ký, như mùa thu thì thu hoạch mùa Đông thì chứa để lại không có sở tác bợn nhất-xiển-đề đối với các pháp thiện không làm đầy đủ được, tám ngàn Thinh văn tức là trí phẩm tám ngàn vị, ở đây nói theo tướng năm thời, nếu nói về giáo chỉ thì Pháp Hoa chỉ có khai quyền hiển viên làm chỉ giáo chánh riêng được gọi là diệu ý ở đây, lại nói ở sau người kết thành biểu hiện chánh ý, chỉ là kết thành công niệm xứ xong, nói sáu người và Như lai, quyển hai mươi tám chép: Lúc bấy giờ, Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Thế nào là Tỳ-kheo trang nghiêm Ta-la Song Thọ, Đức Phật nếu sáu người cho đến Như lai, sáu người ở nhân Như lai ở quả, nhân quả đều được gọi là trang nghiêm, nhân quả thì chung bốn đức đầy đủ, tiêu biểu nghĩa hiển nên nói Trang nghiêm.

Nhân sáu người: Trong kinh nói: Nếu có Tỳ-kheo thọ trì đọc tụng mười hai bộ kinh, chánh văn cú ấy, như vậy Tỳ-kheo mới trang nghiêm được Ta-la Song Thọ, Sư Tử Hống chép: Như ta đã hiểu nghĩa Phật nói, A-nan Tỳ-kheo tức là người ấy, được tịnh thiên là chỉ ngài A-na-luật, ít muốn biết đủ là Đại Ca-diếp, vô tránh không hạnh là chỉ ngài Tu-bồ-đề, khéo tu thần thông là chỉ Mục-kiền-liên, đặc đại trí tuệ là ngài

Xá-lợi-phất, mỗi vị đều hiểu rộng như A-nan, sau nếu quả và người, nếu có Tỳ-kheo hay nói chúng sinh đều có Phật tánh, đặc Tam-muội Kim cương đầy đủ bốn đức, tám ngã tự tại, Tỳ-kheo như vậy rất có thể trang nghiêm Ta-la Song Thọ, Sư Tử Hống nói: Như ta hiểu nghĩa Phật nói, chỉ có Như lai mới có khả năng trang nghiêm Ta-la Song Thọ, như không kia thì không trang nghiêm, cúi xin Đức Như lai thường trụ ở đây.

**Phật nói:** Tất cả pháp tánh trụ ở vô trụ, làm sao thỉnh trụ, sáu người trước tuy nói phần nhiều nghe cho đến đại trí phải nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đã ở hội Pháp Hoa được nghe thọ ký rồi không ai chẳng thể nói nhưng kịp quả và người, nên nói Như lai rất có khả năng trang nghiêm, nhân nhân quả nhân đều có đủ bốn đức, nhân nhân mới nhập nên nói tuy có Phật, Thinh văn còn như vậy, ở sau nêu lên để so sánh cao siêu, nếu nhập Niết-bàn, thành năm giải thoát, kết bốn niệm tiêu biểu để thành bí tạng, bí tạng chỉ là Niết-bàn, Niết-bàn chỉ là giải thoát Bốn niệm xứ quán đã quán năm ấm, niệm xứ đã thành trung gian Niết-bàn, tức là năm ấm thành năm giải thoát, nên trong kinh nói: Sắc giải thoát cho đến thức giải thoát. Biết tức, v.v... Là kế kết Bốn niệm xứ cho đến giải thoát thành ba Phật tánh, ba Phật tánh này cùng chấp sáu pháp, biết tức là không lìa, bất tức chẳng phải chẳng lìa nên lý đủ, cho nên bốn mê nên sai. Nói sáu pháp: Nghĩa là năm ấm thân ngã, nên trong Đại kinh quyển ba mươi nói, làm người mù rờ voi dụ cho đã xong, tức hợp dụ cho hoặc có thuyết nói, sắc là Phật tánh, cho đến có thuyết nói ngã là Phật tánh, phải biết Phật tánh cùng sáu pháp ấy chẳng tức chẳng lìa.

Ba Phật tánh: Là theo ý quyển ba, văn trong niệm xứ, chánh nhân không tức không lìa với sắc, liễu nhân không tức không lìa ở thức, duyên nhân không tức không lìa thọ tưởng hành và ngã, phải biết sáu pháp chỉ là ba nhân, nên ba do đây cùng năm ấm, v.v... không tức không lìa chuyển năm ấm để thành bốn đức, ba đức ba nhân, đủ như quyển ba văn ba đức ở cuối trong ấy, đủ Viên giáo Biệt giáo, nay chỉ ở Viên, Đại thừa đồng Tiểu thừa khác đều có ý chỉ, hai giải trước dùng năm ấm Bốn niệm xứ đối với ba đức ba đức nay đối với năm ấm lại thêm thân ngã, để ở bốn đức chỉ có đối với ba nhân cho nên khai hợp có chút đồng và khác.

Kế giải thích đối trị để trợ giúp khai.

Ban đầu nói trong ý, trước khắc thể trợ giúp, nên nói vì tất cả Tam-muội làm gốc, nên bốn pháp Tam-muội phải nương Viên giáo

không thể nghĩ bàn ba pháp Tam-muội làm gốc, đây là sáu tên trước làm chánh hạnh, chánh hạnh không hiển rõ bởi có ngăn, lại phải phân nói. Đương giáo Tam-muội tức là gốc của đương giáo các hạnh, nay vẫn chỉ có y cứ Tam-muội vô tác làm gốc các hạnh, nếu nhập ở sau nói làm riêng vẫn nay hạnh bốn, căn lợi ở sau chánh y cứ căn ngăn phân biệt để phân biệt giúp ý, trong bốn câu ba câu không cần, chỉ có căn độn có ngăn dùng để đối trị, trong câu kế nói chỉ chuyên ba môn giải thoát, nhưng trước chuyên tu đạo phẩm vô tác để khai ba môn giải thoát, phàm sơ quả ở sau so sánh giải thích, này phải là quả thứ hai vì căn lợi có ngăn, và thế trí dứt kết, tuy chẳng phải xuất thế căn lợi nhưng cũng là hạn cuộc không ngăn.

Nói hai điều: La hai quả thành một điều thế trí làm một điều, hai điều như thế, điều ban đầu còn có sự hoặc, điều kế không sự vì lý thành chướng, phá sự lý chướng, nghĩa phải dùng trị, so sánh căn độn ngăn trùng lập không đối trị, quả thứ ba người thứ ba muốn kết tận nên không nói phải trị, thế trí tuy đoạn, ở sau Bát địa suy nghĩ, vì chấp ngã nên phải trị đạo, nên trong năm pháp quán dùng tâm chấp ngã nhiều, còn phải đối trị để nói pháp giới, nếu theo ý này chỉ có căn lợi không ngăn, căn độn không ngăn, và trí vô lậu tận muốn kết, không cần đối trị, nhưng ban đầu hai quả chỉ duyên lý trị hoặc, gọi là dụng trị, thật khác nhau với phàm phu trị tướng, phải biết không ngăn nhưng chuyên trước nay cảnh đồng với sáu pháp, nếu có ngăn căn độn, thì trị đạo không thành Tam-muội yên khắc, giúp đạo vô lượng ở sau nói dùng sở trị sở y, giúp đạo vô lượng chỉ dùng sáu pháp là đối sáu tặc, nên lại lập sáu pháp để chỉ bày tướng trị, y cứ theo ý văn sau, tuy các giáo lần lựa thành trị, nhưng khoa này chánh làm trị ở ngăn che nhiều lớp. Cho nên lại lập sự có sáu để trị.

Hỏi: Trước trong thông bát, bát có ngang dọc, trong đây trị bát vì sao chỉ đem sáu độ trong ngang để nói tướng trị.

Đáp: Ngang thì sự lý đều chướng, sáu độ thì nhiếp sự lược khắp, hưởng chi lại khổ tập vô minh gọi là lược đối trị không đủ, và hoặc trần sa trong dọc chẳng phải trị chánh ý nay nói sự trị nên không nói đến, lại nếu có khổ tập thì có vô minh, có vô minh nên sáu tặc đầy đủ, nhưng trị sáu tặc còn hai thì bỏ, tướng tặc này lại ở ám cảnh trải qua các tâm, cho nên biệt sinh, văn này dùng quán, như người ở sau ban đầu trị san lạn, nói nếu người tu bốn pháp Tam-muội đến giải thoát môn, không khai văn đây là đầu tiên ở sau năm độ, năm pháp ở sau chỉ nói khi tu Tam-muội, còn các văn đều lược.

Chữ “kích” là nước bắn lên.

Kế trong phá giới: nói che lấp, là đáng mạo thô rít trong phòng quá là nói chế phần hạn gọi là độ. Thuần là thuần phát, cũng là ít, là yêu. Bột nầy chẳng phải là thể của chữ, nghĩa là trái nghịch, nên làm chữ đối là sai. Chữ sự là thất bại, đúng nên là chữ lại. Ngọc Thiên nói: Có tâm mà không lực, nghĩa là biếng nhác Xuân oa: là loài ếch ương.

Diện tướng là không có sở kiến, các tộ ở sau có chung kết, trong sáu tộ trước đều có dày mỏng, nếu cần thì ở sau nói đủ bốn món tùy hồi chuyển tướng trị, đối trị ở trước đã dùng một đối trị trong bốn thứ đã xong, thoát chẳng phải việc thích nghi kia nên phải chuyển dùng, hoặc gồm hoặc đủ, hoặc nghĩa đệ nhất, cho nên nói chung là phải y theo bốn món tùy.

Ban đầu nêu chung.

Kế chỉ bày riêng chẳng giữa, như trị một xan, lược ở một tộ chỉ bày tướng bốn món tùy.

Hỏi: Trong văn nếu đã rõ đối trị, trong đây chỉ nên nói lại ba món tùy, vì sao y cứ lược về san nêu bày có đủ bốn?

Đáp: Trước tuy nói: Đối là thẳng dùng trị, mà chưa nói rõ dùng trị có lợi ích hay không, nghĩa là ác phá thiện sinh, v.v... nay chỉ bày tướng tùy giáo ấy hồi chuyển, cho nên nêu đủ tướng bốn món tùy, lại trong bốn món hoặc vui hoặc không vui để nói tướng chuyển, do không ưa thiện tức chuyển dụng hộ cho đến Bát-nhã, nếu tâm thiện sinh cho đến khai mở, là gồm chuyển đủ và nghĩa đệ nhất, lại trong đối phá tức là đối phá chung, tức gồm chuyển đủ, nên nêu chung các cách chuyển.

Nói chuyển: Là hoặc chuyển dùng hộ cho đến Bát-nhã hoặc thứ lớp hoặc vượt một đến bốn, nghịch thuận lẫn lộn bệnh bỏ biến dùng, năm độ làm đầu chỉ vượt bốn vị, còn đồng với thiện, bệnh nầy không chuyển mà trị chuyển, một độ chuyển dùng còn năm độ liền thành năm câu sáu độ, gồm có ba mươi câu trị, nếu thuốc bệnh đều chuyển tên cũng đối cũng chuyển, thành ba mươi câu, là chuyển là đối là chuyển chẳng phải đối, một phen đến lại lập thành ba mươi câu, nếu vượt xen lẫn thì câu tướng không nhất định.

Hành là tự biết, đầu thể ghi đủ lại một độ chuyển dùng đến hai ba bốn, cũng có thể gọi chuyển, cũng có thể gọi bao gồm, nếu đến năm độ danh chuyển danh đủ, không được đủ danh là dùng chuyển dụng, nếu nói đủ là không được nói chuyển, nhưng dùng đủ sáu tộ trị một tộ, cũng dùng chuyển nên lại mất bao gồm cả tên, nên tuy gồm đủ chỉ gọi là chuyển, cho nên chuyển đến năm không gọi là đủ, chuyển thì riêng

dùng đủ thì gồm chung, nên khác nhau cũng như bệnh chuyển mà thuốc không chuyển, không gọi là chuyển trị cũng chẳng phải gồm đủ, hoặc nghĩa đệ nhất gọi là nhất hướng trị, cũng có siêu thuận nghịch, v.v... tùy theo bệnh ấy chuyển dùng làm năm tộ cũng thành ba mươi câu nhất hướng trị.

Nói bao gồm: Là thuốc bao gồm một lượng cho đến ba bốn, đến năm tên đủ cho nên chỉ có bốn, sáu độ phân biệt có bốn câu thành hai mươi bốn, một độ đến năm chỉ thành sáu câu, chánh gọi là trị đủ, nay vẫn không đủ, chỉ là văn lược trong quyển tám có. Đây y cứ Viên giáo dùng tướng sự trị, nếu sơ tâm Tạng, Thông, Biệt tu Bốn niệm xứ, dùng tướng sự trị y cứ theo đây nên biết. Nói nghĩa đệ nhất, là chỉ có quán lý vô tướng chân như vắng lặng. Nếu theo giáo, đều do đương giáo chân lý làm trị, cho đến viên nhân dùng ba giáo lý làm đối, v.v... Lại sơ tâm bốn giáo đều phải sự trị, như hướng sở thuyết, hoặc dùng bốn giáo tranh chấp làm trị do trước giúp sau, lại dùng sáu chuyển trước mong tướng sáu tộ giáo sau, làm đối chuyển, v.v... như bên Thông giáo dùng sáu độ trong ba tạng, hàng Biệt giáo thì dùng Tạng Thông lượng sáu, hàng Viên giáo dùng ba đều có chuyển, v.v... như trị một san xem san thế nào, tài thân và mạng chỗ san khác nhau, đã biết san rồi dùng sự làm trị, người Biệt giáo dùng hai ví dụ này nên biết, người Viên giáo dùng ba, như dùng sự trị san, san tuy tự phá do đây mới chấp ba xả làm thật, nhưng tăng thêm sinh tử không chánh có thể nói chuyển dùng tức không trị chấp thật ấy, nếu phá thật chấp, thì sẽ được tương ứng với pháp giới, phá thật tồn không, thì nên chuyển dùng hàng sa Phật pháp, xả thân mạng dài mười cõi không biết, khi thực hành quán này chấp giả làm thật, chỉ được gọi là ái kiến đại bi, thì nên chuyển dùng quán thân mạng, tài sản đều là pháp giới, Viên giáo quán pháp được đối trị gọi là do đây. Trong này chỉ có thuốc và bệnh đều chuyển, không bị bệnh chuyển mà thuốc không chuyển, cũng có thể được có thuốc chuyển mà bệnh không chuyển vì vì sao? Chấp thật không chuyển mà cũng cho dùng ba thứ thuốc sau, đều đủ so sánh nói suy nghĩ nên biết, lại này chuyển trị bắt đầu từ sinh diệt cuối đến vô tác, gọi là tiệm chuyển, nếu từ vô tác chuyển đến sinh diệt cho đến xen chuyển gọi là bất định, nếu nghĩa đệ nhất gọi là đến chuyển, một tộ đã vậy các tộ cũng. Cho nên đối với một bệnh chuyển dùng Tạng giáo năm tộ cho đến ba giáo sáu giáo, thành hai mươi ba độ, sáu tộ gồm có một trăm ba mươi tám trị đều chuyển danh đối và cũng danh chuyển đều có một trăm ba mươi tám trị, đều đủ các tướng suy nghĩ nên biết, hoặc thấy ý ấy mới rõ văn này trợ giúp sáu độ ở sau. Kế lại nói chung

trong hành thức, nói trị tướng ấy thì việc chẳng phải một, đối với mỗi việc đều có hợp hạnh, chẳng phải này có thể đủ, nên chỉ văn sau trong tướng nhiếp mà nói, có người ở sau muốn nói hợp hạnh trước nêu ra khác giải rồi sau phá khác nói phải hợp hạnh, cho nên nay văn sau thì có bốn thứ sáu độ.

Văn đầu chánh nêu ra khác giải, hiển bày mười và sáu chỉ là khai hợp, người xưa không thấy ý khai hợp, làm dụng văn Lăng-già tông giáo. Trong Lăng-già ấy nói: Người Bồ-tát Nhị thừa có hai thứ:

1- Tông thứ pháp tướng, tự sở chứng lia tướng phân biệt, nhập cõi vô lậu.

2. Ngôn thuyết: Nói chín bộ lia bốn câu khiến chúng sinh nhập, sau đó Thông giáo nêu Bồ-tát Nhị thừa sở chứng và nói, chung thành tướng lý giáo của Ba thừa, Tổ sư không rõ là tông, không nói là lý là đại vì thuộc về Bồ-tát, nghĩa là giáo có nói là sự là tiểu vì thuộc về Nhị thừa, tông giáo có không đủ như trong Huyền Văn Pháp Hoa, Duy-ma đã phá.

Kế dẫn Đại kinh, Đại phẩm để làm chứng sáu độ nhiếp tất cả pháp, nên biết sáu vị giáo chủ ngoại đạo không có pháp khác, như bốn đế trước chỉ nói bốn đế có vô lượng tướng, không nói bốn món ngoài lại có pháp khác vì sao nói sáu pháp chỉ ở Thông giáo.

Kế nếu được ở sau lược chỉ bày ý văn, hoặc sáu hoặc mười, đã là khai hợp, không nên lấy này mà phán xét đại tiểu tông giáo đồng khác, như thiền ở sau chánh tông khai hợp, hợp nên tức là sự lý nói chung, khai thì là sự lý nói riêng. Lại nói sáu thì chung cho đại tiểu, nói mười thì chỉ chung ở Đại. Lại mười pháp trong đây thông chỉ chung ở bốn giáo, biệt thì chỉ ở Biệt viên, như Bồ-tát Tam Tạng lấy phục hoặc làm trí Nhất thiết, do ba Tạng chỉ giả làm trí đạo chủng, quả Phật dùng làm trí Nhất thiết chủng, năng khởi thân thông, có nguyện dụng cao siêu, nên Bồ-tát Tam Tạng cũng có mười, nếu theo bên chưa dứt hoặc thì Bát-nhã cũng không, chẳng phải từ không xuất chủng trí không thành, chưa được pháp thân vô nguyện trí lực. Lại do phân địa mà làm Bát-nhã thì chỉ có sáu. Bồ-tát Thông giáo từ không biên khai ra phương tiện quả Phật chủng trí và nguyên trí lực, mà thực hành mười độ, chưa được pháp thân đồng với ba tạng, đã dứt Thông hoặc tử không xuất giả, từ để tiến lùi nhiều ít khác nhau, cho nên hai giáo hoặc sáu hoặc bảy hoặc tám hoặc mười, nay văn lại y cứ nghĩa biên của Biệt viên, khai sáu thành mười, còn trong các văn thêm bớt chưa nói đến, lại còn giáo đạo hơn nữa bao gồm ở Biệt, mà ý vốn ở viên, cận bần cùng nguyện Bà-sa và

lực phương âm khác.

Nói định thủ thiên độ, hoặc khai thiên thành ba thì định căn bản thủ độ thứ năm gọi là thiên độ, các chỗ khai là lực là nguyện, không trí thủ ở Bát-nhã thứ sáu, các chỗ khai gọi là âu-hòa, v.v... Âu-hòa xuất giả trí, Xa-na nhập trung trí, cũng là phương âm khác nhau.

Kể nói nhiếp pháp là chánh tông hợp hạnh cho nên có thể nhiếp pháp, nếu không đạt được tất cả các pháp đều nhập vào môn đối trị này, vì sao đối trị nhiếp tất cả pháp?

Ban đầu nói sáu độ nhiếp đạo phẩm, văn sau giải thích rộng, ý tuy rất dễ thấy nhưng nay dự nói chung đến văn dễ rõ.

Vì sao? Đàn nhiếp hai giác nghĩa là trừ xả, trong văn thiếu một văn sau nêu bày đủ hộ nhiếp ba nghĩa là chánh nghiệp ngữ nghiệp mạng nghiệp, nhãn nhiếp có bốn, đó là niệm căn niệm lực niệm giác chánh niệm, tấn nhiếp có tám, nghĩa là bốn chánh cần, tấn căn tấn lực tấn giác phần chánh tinh tấn, Thiên nhiếp có tám, đó là bốn như ý, nghĩa là bốn như ý định căn, định lực, định giác, chánh định.

Tuệ nhiếp mười, đó là Bốn niệm xứ, tuệ văn, tuệ lực, trạch giác, hỷ giác, chánh kiến, chánh tư duy, hợp lại có ba mươi lăm, còn có hai tín thông ba mươi lăm, tất cả các pháp tín làm gốc. Nếu theo luận Bà-sa do thật thể có mười một nhiếp ba mươi bảy, nên trong luận Bà-sa trước dùng bảy giác bao gồm sáu khoa, còn không nhập, nghĩa là hai tín làm một và chánh tư duy một, do ngữ nghiệp mạng ba thật thể chỉ có hai, đủ thành mười một, trong luận Câu-xá chỉ có mười, do hợp giới chi. Nói nhập bảy, nghĩa là Bốn niệm xứ và tuệ căn, lực, chánh kiến nhập trạch pháp giác phần, bốn món chánh cần tấn căn lực và chánh phương tiện phương tiện, là tấn nhập tấn giác phần, bốn pháp như ý túc và định căn lực chánh định nhập định giác phần niệm căn lực chánh niệm nhập niệm giác phần, cho nên hai mươi bốn pháp nhiếp nhập bảy giác, và bốn bảy giác hợp thành ba mươi một và sáu pháp tín, v.v... hợp thành ba mươi bảy. Nay ở trong bảy nhiếp hỷ nhập trạch nhiếp trừ nhập xả, thì hiện bảy thành năm, dùng niệm làm nhãn ngữ, v.v... là hộ trạch hỷ thuộc tuệ trừ xả là đàn định, v.v... là thiên, hai tín ý theo trước dùng làm nhập chung, cho nên bảy giác, sáu độ đầy đủ, nên nay khai hợp cùng luận chẳng khác, khai hợp tuy vậy mà nghĩa cùng nói khác nhau, nay sáu văn nghĩa này thông bốn giáo, mỗi bao gồm mười, tức văn sáu độ đây là sáu đoạn, trong mỗi đoạn, ba tạng văn đầu là sự trị chánh ý, nên văn hơi rộng.

Ban đầu nói sự thiện nhiếp hai, văn tương rất dễ thấy, nếu sau ba

tạng, là chánh nói sự xả vẫn còn nêu lý để so sánh, tuy chưa thánh lý thiện có lợi ích của sự trị.

Kế dẫn luận gạn hỏi, xả có thể ở sau đáp, lại xả ở sau nói thiện có thể thành năm, chung riêng như văn.

Kế nói trong viên xả, viên là văn nay hợp hạnh chánh ý với sự, lại thuận văn nay thể chánh tu, thế nên nay dẫn văn nói rộng tướng kia.

Ban đầu chánh nói trong văn xả, nói mười pháp giới sắc thân, v.v... Là chỉ quán ba việc, tâm khắp pháp giới thì mười cõi ba việc thăm như vậy tự mất, chánh báo là thân, y báo là tài.

Nói mạng: Là liên trì làm nghĩa, tức trong các cõi đều có liên trì, như trong sáu đường báo thọ mạng khác nhau, và trong Thánh đế có các tuệ mạng thường trụ mạng, tức ba việc này ở một niệm tâm ba đế đầy đủ có thể dứt ba hoặc, nên gọi là Xả. Không vào hai bên, chỉ là xả Trung đạo không hai, đây y cứ sau cùng lý quán thiện nghĩa, nếu nói về hợp hạnh, nên đủ sự lý, nên trong văn sau kết lỗi lầm nói: Lý quán sâu nhẹ, mà không tồn sự hạnh, tức lại nêu tướng sự trị, văn sự trị xong lại phân tích nói: Mà không tồn lý quán, tức dùng độ phẩm sáu câu phân biệt, cho nên phải biết tu lý quán, nhiều lớp nếu hoặc khởi thì phải có sự trợ giúp, sự và lý chung gọi là hợp hạnh, cho nên sáu câu chánh hiển bày độ phẩm đều có lý sự, nên hữu tướng phá tướng tu tức nhau, người không thấy chỉ là thoát phân biệt mà thôi, nếu vậy thì tu hành có lợi ích gì? Vì sao ở sau giải thích, trước nói xả chung hai.

Kế là dẫn Ưng-quật để chứng viên xả ở chặng giữa ban đầu nêu bày văn kinh, từ hữu biên ở sau giải thích ý kinh.

Nói không hoại, tức là thân sinh tử trăm cõi thông suốt lý thường trụ, nói về san thành trị lại hiển bày pháp thân, pháp thân đã vậy tài mạng cũng.

Kế là dẫn Kim cương bốn câu là giáo, y giáo tu quán quán giáo tức đủ ba thứ Bát-nhã, nên thật tướng Bát-nhã giúp ở pháp thân, xả tất cả thân, quán chiếu Bát-nhã giúp tuệ mạng, xả tất cả mạng, bốn câu văn tự giúp tài thường trụ, xả tất cả tài, lại dùng ba món tư lương đối với lý có ba, nên khi hiển lý thì tất cả năng xả. Lại văn tự có thể nêu bày ba thứ Bát-nhã quán chiếu tu đắc ba thứ Bát-nhã, thật tướng vốn có ba thứ Bát-nhã, nên người xưa nói: Ngà xả ba Hằng chưa khởi hữu sinh, bốn câu Bát-nhã chứa nhóm diệt đạo thành, cho nên phải biết, công bốn câu sau ba hằng lực kém, nên biết bốn câu cùng xả thân, đâu thể so sánh hơn kém kia, như đây trở xuống là bác bỏ thiên. Văn đầu tức là tướng xen lỗi, nên nói cả hai đều có lỗi, hoặc chỉ có tu viên quán sự hành toàn

không, hoặc chuyên tu sự độ viên lý tuyệt phần, cho nên hai lỗi đều thiếu hợp hành, đàn độ đã như vậy năm pháp khác đều như vậy, lại hai lỗi mong nhau đều có hơn kém, nay khuyên hạnh cho nên đều trách.

Nói oan, thân, v.v... Dẫn là việc của Bồ-tát ba tạng, trong kinh Báo Ân nói: Bồ-tát Thích-ca khi làm Luân vương, khoét thân đốt ngàn ngọn đèn để cầu nửa bài kệ. Sinh thì có chết, diệt đây là vui, được bài kệ này rồi khiến các đại chúng đọc tụng ghi chép ở vách đá ngay đường, khiến người phàm thấy phát tâm Bồ-đề, thân đèn sáng chói cũng nói bài kệ này, người nghe đều phát tâm Bồ-đề, ánh sáng ấy lên đến cõi trời Đao-lợi, ánh sáng các vị trời đều không hiện, các vị trời hỏi nhau nhân duyên ánh sáng này, liền dùng mắt trời thấy luân vương ấy, do đại từ bi vì chúng sinh cầu nửa bài kệ, khoét thân đốt ngàn ngọn đèn, ánh sáng đây là thân đèn kia phát sáng, thiên đế nhân đó liền đến chỗ Bồ-tát.

Hỏi: Bồ-tát rằng: Thực hành cúng dường này vì cầu làm thiên đế phải không?

Đáp: Vì chúng sinh nên cầu Bồ-đề.

Thiên đế hỏi rằng: Lấy gì làm chứng?

Đáp: Nếu không hư dối thì thân sẽ bình phục lại, nói xong thân kia bình phục như cũ, đủ như trong kinh ấy có nói rộng, cũng như kinh Nguyệt Quang Bồ-tát, có vị vua tên là Trí Văn, cắt thịt ở bắp vế để cứu tỳ-kheo bệnh.

Trong Đại luận chép: Thái tử Nguyệt Quang chích máu tủy để cứu người bệnh hủi, cắt gân thịt để đổi con khỉ, lộ bày xương sống để giúp thổ què, v.v...

Bỏ quốc thành: Như trong Đại luận, vua Tỳ-thi-già làm bạn với nước lân cận, bốn binh dẫn đến an nhiên không sợ, các quan bạch rằng: Pháp nào lại bỏ?

Vua nói: Có pháp, như vậy đến cả đều nói hữu pháp, giặc đã đến vua bảo các quan: các ông thờ chủ sao có kia đây, ông hãy thờ kia nay ta bỏ, bèn từ cửa sau trốn ra, sau vua ngồi rồi liền bảo rằng: Nếu có thể được trước vua, phải thêm trọng thưởng, lúc sau người khác biết trước, vua này vì tánh bố thí đi đến vua xin, không biết vua này bỏ quốc thành, đi đường gặp vua này mà lại không biết, gặp rồi lại hỏi rằng: Ta nghe vua Tỳ-thi-già tánh ưa bố thí, ta muốn đến xin, vua bèn bảo rằng: Ông hãy trói ta giao cho vua mới, sẽ được trọng thưởng, người ấy nghe rồi sinh tâm rất cung kính, không dám nhận lời.

Vua nói: Theo ông đến thành ông hãy trói dâng lên, đến rồi các

quan thấy vua khóc to.

Tân vua hỏi: Các quan đáp lại đầy đủ, mọi người đều theo xin cũng nói việc ấy, Tân Vương xuống bệ rồng, lễ bái làm huỳnh đệ, giúp nhau trông coi việc nước.

Cứu chim bồ câu cho cọp đói ăn đều là xả thân mạng, nay nói ở sau nói được tướng, hoặc người ở sau nói rộng tướng mất.

Vũ là đánh; ước nghĩa là hung ước, theo tự trách biết hạnh không không khắp, bảo hộ ở sau không thể xả tài, sợ quả trách ở sau không thể xả tài, tham tiếc ở sau không thể xả mạng, gặp việc ở sau là tổng kết không có ba.

Nay ở đạo tràng, v.v... là lập hạnh thỉnh thêm, tự hành giáo tha v.v... Là trong Đại luận quyển năm mươi sáu chép: Đại Bồ-tát tự không sát sinh, cho đến chủng trí, dạy người bắt sát, khen ngợi pháp không sát, cũng hoan hỷ người bắt sát, cho đến chủng trí, là Bồ-tát ưa mến Phật pháp, vì biết thân miệng ý vô thường, không nói lời vô ích, khiến cho pháp thiện được tăng thêm lợi ích, khiến các phiền não không thể che tâm, hành giả khi khởi hạnh này, kiết sử tuy khởi trí tuệ tư duy không để che tâm, nếu buông lung kiết sử, mất ở đời này đời sau chướng ngại Phật đạo, nếu tâm khởi thì không cho miệng khởi, không cho thân khởi, nếu thân khởi thì không cho gây tội lớn, như người phạm phu, là Bồ-tát tuy là lùn xấu thấp hèn, do trong số người thực hành thắng pháp được cao siêu, người này rất ưa thích công đức, có thể thực hành bốn món hạnh cao siêu, người Nhị thừa không thể đầy đủ bốn món, do không thêm ưa Phật pháp, là Bồ-tát này tự đã không sát sinh vì dùng từ bi, dạy người không sát, từ bi là tất cả pháp thiện của Thánh hiền, cho nên phải khen ngợi, Bồ-tát thường muốn cho người được vui, thấy người khác không sát hại tâm sinh vui mừng khen ngợi, cho đến chủng trí, cũng giống như vậy. Nếu không tự hành làm sao có thể lợi tha, nếu không lợi tha làm sao thành tựu tất cả chúng sinh, nếu không thành tựu tất cả làm sao thanh tịnh cõi nước Phật. vì sao? Vì chúng sinh thanh tịnh nên thế giới tịnh. Lại quyển tám mươi tám chép: Bốn món hạnh đây là cốt yếu của Đại Bồ-tát sơ tâm, không thể không biết, vì sao bốn thứ này không đủ, không gọi là Đại Bồ-tát, vì sao? Hoặc có thể tự hành không thể hóa tha, v.v... bốn pháp xen nhau làm câu, lẫn nhau nói rộng, ban đầu từ không sát, không trộm cho đến chủng trí, do không đủ nên không thành cực quả, nếu tâm chân thật, v.v... là mong thêm được lợi ích, có thể cảm cho đến tư ích, v.v... trong kinh ấy Phật phát ra tất cả ánh sáng pháp, nay văn lại dẫn ra sáu văn để chứng sáu độ, trong kinh nói: Lại ánh sáng Đức Như lai gọi là năng xả,

Phật dùng ánh sáng này phá được tâm san tham của chúng sinh, khiến cho hành thí, lại ánh sáng Đức Như lai gọi là Vô đối nhiệt, Đức Phật dùng ánh sáng này phá được tâm phá giới của chúng sinh, khiến cho trì cấm giới. Lại ánh sáng của Đức Như lai gọi là An Hòa, Phật dùng ánh sáng này phá được tâm tức giận của chúng sinh, khiến thực hành nhẫn nhục; lại ánh sáng của Đức Như lai gọi là siêng tu, Phật dùng ánh sáng này phá được tâm biếng nhác của chúng sinh, khiến hành tinh tấn; lại ánh sáng của Đức Như lai gọi là nhất tâm, Phật dùng ánh sáng này phá tâm vọng niệm của chúng sinh, khiến thực hành thiền định; lại ánh sáng của Đức Như lai gọi là năng giải, Phật dùng ánh sáng này phá được tâm ngu si của chúng sinh, khiến thực hành trí tuệ, cho đến bốn nghi tất cả các pháp cũng giống như vậy. Ở sau, trong các văn lại không dẫn ra, vì nhờ ánh sáng, đều phải giải thích ra, đã nhờ ánh sáng tùy theo túc duyên và hiện gia hạnh, được tương ứng với bốn món hành tướng, trong văn nói lược chỉ nói xả nếu chỉ coi nhẹ, mà không thật rõ ràng quán hạnh sâu cạn, nên khiến người sau mỗi giải thích nêu ra bốn món tướng đàn, để đối bốn giáo, khiến được lợi ích, biết lợi ích, biết gia hạnh. Nếu muốn giải thích, nên nói: Nếu tương ứng với ba tạng đàn xả, hay trong sự xả thân mạng tài, tương ứng với thông biết ba việc không, tương ứng với biệt đạt thí các pháp, tương ứng với viên, kiến thí pháp giới, qua hiện hòa hợp cùng bốn món tương ứng, đàn độ đã vậy, năm pháp khác cũng vậy, có thể rốt sau ở sau nói lý đủ sự thành. Nếu không có nhân duyên thì các thân ta này không có lợi ích với duyên vật, tạm nương thân hôi thối để tiến đến đạo mình, bỗng nhiên người khác có chút lợi ích, xả thân này cũng như bỏ chuyện vật, trong thông thường còn có thể giết thân thành nhân, há là bậc xuất thế cao sĩ mà mê thân hôi thúi hay sao?

Thị vị v.v..., là gồm kết được lợi ích chánh trợ hạnh thành, do phân tích không thành, chánh trí như lửa ấn cảnh như hơ, việc độ như dầu, nếu lửa không thấp sáng thì không cháy, bèn do sự hành dầu cạn, do dầu cạn, vô minh rất tối do đâu diệt được, nếu như trên bỏ thứ lớp nói hộ độ nhiếp ba.

Ban đầu nói nhiếp pháp nêu bày giáo phân tích lỗi như văn. Trong Thỉnh Gia nói: “hà điểm” là ngọc có vết, tỳ là chất ngọc bị thiếu, hủ trong như điểm, phá khinh như hà.

Độc long, v.v... Trong Đại luận quyển mười ba chép: Như Bồ-tát Thích-ca bản thân từng làm Bồ-tát đại lực Độc Long, nếu chạm thân hôi thúi, người chạm thối chết biến người mạnh khi hư bèn chết, rỗng

này có thọ một ngày một đêm giới, vào trong rừng vắng một mình ngồi tư duy, ngồi lâu mỗi mệt rồi lại nằm ngủ, pháp rỗng nếu ngủ thì thân hình hiện lại như rắn. Văn chương bảy báu, người thợ săn thấy kinh sợ chạy nói: Da như thế thật ít có khó được, nếu dâng lên Đại vương cũng nên chăng? Rồi dùng gậy đề đầu lấy dao lột da, rỗng tự nghĩ, “sức ta như ý nghiêng úp nước này như trở bàn tay, hạng tiểu nhân này đâu thể bắt ta, nay ta trì giới không chấp thân này, phải theo lời Phật, cho nên tự nhắm nhắm mắt không nhìn nín hơi bật dứt, thương xót người này một lòng lột da không sinh hối hận, đã mất da này rồi thịt đỏ nằm ở đất, lúc bấy giờ nắng mặt trời nướng quay trong đất muốn đến nước lớn thấy các trùng kiến mở ăn thân nó, vì hộ giới nên không dám nhúc nhích, tự nghĩ rằng: “nay Ta thân này đem thì các trùng kiến vì thành Phật đạo nay đem thịt thí để no đủ mạng kia, khi thành Phật phải dùng pháp thí lợi ích tâm kia, như vậy thệ nguyện rồi thân khô mạng tuyệt liền sinh lên cõi trời Đạo-lợi thứ hai. Người thợ săn là Điều-đạt lục sư, v.v... các trùng nhỏ nay là xoay bánh xe pháp lần đầu có tám muôn các vị trời đắc đạo này. Tu-đà-hoàn, v.v... là tên trong Đại luận, tên Nhân Vương là Phổ Minh Vương.

Trong kinh nói: Bị vua Ban-túc bắt đem đi, theo cầu xin, một ngày làm việc bố thí, Sa-môn ăn cơm đảnh lễ ba bảo, vua Ban-túc nhận lời trả về nước y theo bảy Phật pháp thỉnh trăm Pháp sư, một ngày hai thời giảng kinh Nhân Vương Bát-nhã, pháp sư bậc nhất nói kệ cho vua nghe rằng:

*Kiếp thiêu hết rồi  
Trời đất rỗng rang  
Tu-di biển lớn  
Đều thành tro bụi  
Trời rỗng phước hết  
Ở trong ly tán  
Hai nghi cũng vậy  
Ny cứ có gì thường  
Thần thức vô chủ  
Tạm cõi bốn rắn  
Vô minh nuôi dưỡng  
Dùng làm xe nhạc  
Thần không chủ thường  
Hình không nhà thường  
Hình thần còn là*

*Há có nước ư?  
 Có vốn tự không  
 Nhân duyên thành tán  
 Thịnh vượng sẽ suy  
 Việc thật sẽ hư  
 Chúng sinh lúc nhúc  
 Đều như huyễn hóa  
 Ba cõi đều vậy  
 Cõi nước cũng như  
 Sinh già bệnh chết  
 Trôi lăn không bờ  
 Sự trái với nguyện,  
 Ưu bi làm hại,  
 Dục sâu họa nặng  
 Ung nhọt không ngoài  
 Ba cõi đều.  
 Cõi nước nương gì.*

Ý bài kệ đều khuyên vua xả thân và cõi nước, trong Đại luận nói: Lúc bấy giờ, Pháp sư nói bài kệ tụng này rồi, vua lại đến nước Thiên-la chỗ vua Ban-túc, ở trong đại chúng bảo với chín trăm chín mươi chín vua rằng: Đến khi sắp chết, mỗi người đều tụng bài kệ của kinh Nhân Vương bảy vị Phật ở thời quá khứ, các vua đều tụng, vua Ban-túc nghe rồi hỏi các vua: Là tụng những gì?

Vua Phổ Minh dùng kệ đáp vua Ban-túc, vua Ban-túc nghe rồi đắc Tam-muội Không bình đẳng, các vua đồng chứng, vua Ban-túc do đây mà thả các vua, tâm thành ở sau mong che chở được lợi ích.

Tội của hai đời: Là tội quá khứ và tội hiện tại, cũng nên mỗi việc giải thích cũng nêu ra bốn tướng thi-la, ba tạng nên biết, trong Thông giáo nói phi trì phi phạm là không thấy tướng trì, nên nói phi trì, tướng trì còn không, tướng phạm vốn diệt, nên trong Đại luận nói: Nếu thấy người trì giới ưa thấy người phá giới sân giận, trì giới như vậy gọi là nhân duyên của tội, mất tướng trì phạm mới gọi là không thấy, nên trong văn Thi-la ở sau nói tương ứng với lý quán chánh nghiệp, v.v..., chánh nghiệp trong sự tức là sự thi, thi ở đây là tương ứng với viên lý, mới gọi là cụ túc, hai thi Biệt viên nêu bày ở đàn rất dễ thấy. Sau này bốn độ kết văn khác nhau, hẳn độ văn sau chỉ nói tương ứng, không giải thích từng việc, chỉ là văn lược, nên sau văn tấn độ tức nêu bày đủ sinh sinh, v.v... có bốn, sau văn thiền độ chỉ nói đắc tương ứng với bốn

quán, thường còn nghĩa lược, cho nên lập lại dẫn thiền tướng năm môn, ở sau mỗi môn có nói đủ bốn thứ, cuối văn Bát-nhã nêu bày bốn món đảo, lại nêu ra ba tạng Ba thừa, văn sau nêu bày đủ bốn thứ mười tuệ, tuy xin còn mất phải biết một phen y cứ.

Lại trong thí giới thăng nói tướng độ, mà không nói tướng tộ, trong nhãn trước thật rõ tộ kế, mới rõ độ trong tiến lược chỉ bày tướng tế, trong thiền có nêu bày đủ, tùy văn mà theo cốt yếu nên ở đây khác nhau, nếu giải thích nghĩa, phải nên mỗi việc còn đủ tế độ và bốn món tướng, kết được tướng ích như văn, văn phần sau rất giống.

Kế giải thích nhất, tức dùng bốn nhãn làm bốn giáo, trong các kinh luận nói nghĩa năm nhãn thường y theo Biệt giáo, vì trong Biệt giáo. Thu đủ bốn nghĩa, nay mượn nghĩa dùng lại trừ tín nhãn, tức dùng bốn pháp khác đối bốn giáo chỉ nương ở nghĩa mà không nương lời, lại dùng nhãn làm tên chỉ ở Bồ-tát, ý này chỉ ở Đại thừa, ba tạng không dứt nên gọi là Phục, chung ở diễn ban đầu, giúp thuận theo lý, cho nên phải gọi là thuận, sau Biệt giáo tâm cũng phá vô minh, nên gọi là vô sinh, viên lý bốn tịch nên gọi là Tịch diệt.

Kế phân tích trong lỗi nhưng nêu ra tướng sân mà chỉ có lý giải, không có sự nhãn, sự sân đủ như quyển hai có giải thích, từng tiết là tướng không an, cũng gọi là “tỏa tỏa” là tướng mạo thấp nhỏ.

Quách Phát nói: Là đáng mạo qua lại, cũng là đáng mạo nghiêng nát, tức ít sân; long: Là cao. Trong sách Nhĩ Nhã nói: “Uyển trung long”; Quách Phát nói là cao nhất giữa núi; Nghĩa là khi sân khởi như cao rất dễ thấy, đã biết ở sau lập hạnh tỉnh che chở, trong tất cả hạnh rất là sân hại, nên nhãn rất khó. Trong Đại luận nói: Như Thiên đế hỏi Phật: Như thực hành nhãn: Là chỉ có một việc thật không thể chịu, người nhỏ khinh mạn cho là sợ sệt, cho nên chẳng phải nhãn. Đức Phật nói: Nếu do người nhỏ khinh mạn nói là sợ sệt. Muốn không nhãn, tội không nhãn thật là ở đây. Vì sao? Vì những việc không nhãn của Hiền thánh thiện nhân không nhãn, người nhãn nhục, người nhãn nhục mà làm việc khinh mạn tiểu nhân. Trong hai việc khinh cái nào lấy cái nào khinh, nên biết đâu là những việc khinh mạn của tiểu nhân, không làm những việc nghèo hèn của Thánh hiền. Vì sao? Người vô trí khinh những việc không đáng khinh, người Hiền thánh nghèo những việc đáng nghèo, là nghĩa này, nên cần phải thực hành nhãn. Như ngài Phú-lâu-na, v.v... Trong Tăng Nhất nói: Thành đạo ấy rồi muốn trở lại bốn quốc làm lợi ích người trong xóm, người trong cõi nước kia phần nhiều tộ ác.

Ông nói thế nào?

Đáp: Ta phải tu nhẫn, nếu người muốn hủy nhục ta ta phải tự vui không được đánh đấm, khi đánh đấm phải tự vui không được dùng gậy cây, khi được dùng gậy cây tự vui, không được dùng dao nhọn, khi có dao nhọn tự vui là sớm lia năm ấm độc thân. Phật dạy: Nếu vậy thì cho đến lợi ích có thể về bốn quốc, như kiếm vàng, v.v... nhẫn lực như vàng như gương, cảnh trái như lau chùi, nên càng chịu càng mài được lợi ích sáng sạch.

Sần-đề, v.v... Đủ như trong quyển ba có dẫn, cắt tiết là cương, vua hối hận việc yếu mềm này, mạnh yếu không thay đổi nên thân bình phục, hai cảnh không thay đổi gọi là câu an.

Kế nói: Trong tiến độ Đại luận ở sau nêu bày giáo, văn lược, ba pháp trước dễ hành, đủ như quyển nhất, thứ ba có dẫn, đây thì nêu Biệt biết Thông, nếu không thông thì cả hai đều không thánh. A-nan nói tinh tấn giác, v.v... theo Đại luận quyển ba mươi Phật bảo A-nan, nay ta đau lưng nghỉ ngơi, dùng y Uất-đa-la Tăng-già-lê làm gối, khiến A-nan nói pháp cho các Tỳ-kheo nghe, ngài A-nan nói bảy giác chi.

Đức Phật hỏi rằng: Nói tinh tấn giác chưa đủ.

A-nan nói: Đã đến rồi như vậy ba lần hỏi ba lần đáp, Phật liền đứng dậy bảo rằng: Ông khen ngợi tinh tấn, do được Bồ-đề này, hoặc trong quyển mười bảy nói.

Phật nghe rồi liền đứng dậy.

Lại trong Trường A-hàm có tám thứ tinh tấn, tám thứ biếng nhác, đối với bốn việc đều có trước sau sinh ở tinh tấn, biếng nhác. Nghĩa là khát thực giữ làm hành lý bệnh hoạn, như khi khát thực, hoặc khi không được, liền khởi niệm này, khát thực không được thân thể mỗi mệt, không thể có khả năng ngồi thiền, đọc tụng siêng năng hành đạo, nên lại phải dứt nghĩ.

2. Nếu khát thực lại được khởi niệm này, thân thể rất nặng, không thể thực hành được, đây là khát thực thứ lớp sinh tâm biếng nhác, dù thiếu chấp tác lại khởi niệm này, nay ta mỗi mệt, lại không khả năng, nếu muốn chấp tác lại khởi niệm này, nói phải chấp tác sẽ có mỗi mệt, dù ít đi đến lại khởi niệm này, tôi sáng đi đến thân thể mỗi mệt, dù muốn ít hành lại khởi niệm này, ta nói phải hành, sẽ có mỗi mệt, dù gặp ít hỏi lại khởi niệm này, nay ta bệnh nặng nhân rất mỗi mệt, hỏi có chút bệnh, lại nghĩ bệnh chưa bao lâu thân thể mỗi mệt, ở sau mỗi câu đều nói chưa được muốn được chưa chứng muốn chứng, do tám việc này nên đều không thành tựu, nên gọi là biếng nhác.

Tám món tinh tấn: Nếu xin thì không được, nghĩ đến thân thể của

ta thiếu ngủ nghỉ có thể thực hành tinh tấn, nếu xin được thức ăn, nay nghỉ đến khí lực no đủ, có thể thực hành tinh tấn, ta đến chấp tác phế bỏ hành đạo, nay phải tinh tấn, nếu phải chấp tác nghỉ phải ngăn hành đạo phải dự tinh tấn, nếu khi đi đến, nghỉ sáng đi đến phế bỏ hành đạo của ta. Nếu nói phải thực hành niệm phải bỏ hành đạo, nếu bị bệnh nặng phải nghỉ đến qua đời, hoặc bệnh nhẹ sợ lại tăng thêm, mỗi câu sau đều nói, phải nên tinh tấn, chưa được cho là được chưa chứng cho là chứng, ý này phải đối trị tùy theo tự nhớ nghĩ, tuôn ra biển lớn như quyển ba. Trữ là trừ, trong Thiên Thương Giáp nói: “Chy cứ” là lấy, mà nay ở sau phân tích lỗi, như huyết tử, v.v... trong Đại luận quyển ba mươi ba nói: Như lạc đàn xuyên qua mũi tất cả tùy theo người. Trong pháp hữu vi nếu người có trí tuệ thượng thánh đã gần gũi, nếu không có trí tuệ cũng như lỗ mũi, trái ngược tất cả công đức có trong sinh tử, voi say không người dẫn. Trong Đại kinh quyển hai mươi ba chép: Thí như voi say không có người dẫn, điên cuồng buông lung bạo ác, giết hại nhiều người, có người thợ điều voi, dùng móc sắt lớn dùng bìa rập đầu nó, tức thời điều thuận, tâm ác liền dứt, trong luận Bà-sa có nhân duyên điều voi, dụ cho tám giải thoát. “Vi”: Vốn là tên cỏ, cũng là họ người. Nay dùng lời nói quá độ, mượn dùng chữ thử để thay thế mới nói, “đạo” là tự sinh lúa, e làm chữ “lữ” ở đây, tâm không năng lực nên ngày giờ luống qua, sẽ phát ở sau lập thệ thỉnh che chở.

Khắc cốt, v.v... Phát nguyện thân tinh tấn như khắc vào xương, thệ tâm tinh tấn như khắc đá ấy, minh la tên, viết là dạy khắc đá ghi công, nay cũng như vậy, như khắc đá ghi công, không để bị mê mờ, vì pháp khinh thân gọi là hứa đạo.

“Đường” là chur; là không còn, v.v... lại không có tâm khó. Kết hạnh trên không biếng nhác, không lấy hạnh làm hạnh khó, lại không có tâm khổ kết trên ngay thẳng thân ấy, không lấy thân làm khó nhọc. Cảm Phật ở sau mong che chở được lợi ích, do đời đời đối với bốn môn tinh tấn. Tần là tướng phát khởi siêng, cho nên chúng sinh sinh, v.v... giải thích thành bốn tinh tấn.

Ba tạng ba kỳ tinh tấn còn nhuận sinh, nên gọi là sinh sinh, Thông giáo mất tướng Tấn gọi là sinh bất sinh, Biệt giáo đã nhập không vì sinh nên Tấn, nên không sinh sinh, Viên giáo lý vốn lặng, tấn cũng không sinh, nên không sinh không sinh. Lại ở cảnh tấn quên năng quên sở.

Kế giải thích trong thiền. Trước gồm y cứ thiền độ, chỉ là, v.v...: Là nêu bày ở giáo. Ban đầu nói căn bản tức ba tạng, vượt trong hai giáo nên nói cho đến. Tuy nói vô tác, Lăng-nghiêm không thành, trung gian

nên nói, tuy nói lý vô sinh nhưng quyết định không thành. Tuy nói hằng sa Phật pháp, tục đế Tam-muội không thành, nếu không ở sau phân tích mất trung.

Nói không định, v.v... Là dẫn trong Đại kinh so sánh, giải thích, như người thế gian, nếu trong đó không có mười đại địa thì tâm thường định, ở đời Đường đất bằng còn nghiêng đổ hướng tu xuất thế mà không quyết định mà thành hay sao? Vì là ở sau gồm nêu thỉnh ba vị, lược nêu phải nên tu thiền, nên nói chung nhất tâm đến ở sau Biệt giáo bèn nêu ra bốn môn, cảm Phật ở sau mong cầu che chở, đây là nói chung về thiền, thiếu văn kết là ở sau trong năm môn có nói đủ. Vì tránh văn rườm rà nên xen còn mất.

Kế trong Đại luận ở sau nói năm môn thiền.

Ban đầu nói ra ý, vì trong thiền môn có nhiều môn hộ nên lại nói tướng của năm môn thiền, như thiền ở sau chánh giải thích.

Ban đầu nói sở tức, đến quyển chín lại giải thích, nói bảy y định. Trong luận Thành Thật phẩm Tam-muội thứ bảy nói: Nghĩa là y Sơ thiền đặc vô lậu, cho đến y vô sở hữu xứ đặc vô lậu, y bảy xứ đấy đặc Thánh, nên gọi là bảy y. Có người tự cho rằng: Hữu lậu là đủ, cho nên Phật nói bảy vô lậu.

Hỏi: Vì sao y thiền đặc vô lậu ư?

Đáp: Khi đặc Sơ thiền quán ấm Sơ thiền, khởi tám thánh chủng tâm sinh nhằm lìa, cho đến Vô sắc quán bốn ấm cũng giống như vậy.

Hỏi: Vì sao không nói cõi dục làm y?

Đáp: Như trong kinh Tu-thi-ma, lại có vô lậu, đó gọi là cõi dục, nên biết cũng có thiếu nên không nói.

Hỏi: Vì sao không nói Phi phi tướng xứ là vô lậu ư?

Đáp: Kia không rõ, định nhiều tuệ ít nên không nói y.

Hỏi: Bảy tướng tức là bảy y phải không?

Đáp: Ngoại đạo không chân, nên nói là Tướng, bậc Thánh phá tướng nên nói là y, cho nên trong văn nay lại nói rằng: Phát được sắp định, cho đến thất y, chưa phán xét hữu lậu và vô lậu, y theo luận phân biệt hai nghĩa đều chung, thỉnh ngài Quán Âm ở sau nói trợ giúp lợi ích hạnh thành.

Kế nói bất tịnh trị trong tham dục. “Đam” trong sách Nhĩ Nhã nói: Là “cửu lạc”, từ “chữ Đậu” là rượu độc, chẳng phải của văn này, cũng có thể dùng rượu độc dụ cho dâm, nên làm chữ “Trám”, cũng đồng nghĩa với chữ “miện”, là chìm đắm ở rượu, cũng có thể làm men, nên trong Đại kinh nói: Nếu thường buồn khổ buồn theo thêm lớn, cho đến

tham dâm nếm rượu cũng giống như vậy.

Quán Bất tịnh: Tức giả tưởng quán, như trong kinh Cầu Chứng chép: Đức Phật ở nước Xá-vệ, có Tỳ-kheo đến gò mả mà đi ở ruộng khác, chủ ruộng mắng rằng: Tại sao Tỳ-kheo không tu đạo nghiệp, thường dạo ruộng ta? Liền đến hỏi người ấy?

Tỳ-kheo đáp: Ta có việc tranh cãi đến cầu người chứng.

Chủ ruộng hỏi rằng: Người chứng là ai?

Tỳ-kheo liền kêu, chủ ruộng đi theo thầy thầy chết ngổn ngang.

Tỳ-kheo nói: Các loài chim trùng đây là người làm chứng cho ta.

Chủ ruộng hỏi:

Tỳ-kheo đáp: Tâm lo quán rồi trở về phòng, quán thân cũng vậy, nay ta muốn biết nguồn gốc của tâm, cho nên xem xét. Chủ ruộng nghe rồi rơi lệ ghen ngào. Chủ ruộng ấy là Ca-diếp ở trong Phật pháp, ngàn năm tu lập quán bất tịnh, Tỳ-kheo và chủ ruộng đều được sơ quả. Chín tướng ở quyển chín, dẫn trong Đại luận nói tám bối xả, v.v... nhân tiện gồm nêu bày chẳng phải chánh ý của văn, nhưng nói đều do chín tướng mà thành, nên nói đều do chín tướng mà làm môn đầu, ở đây nói công năng của chín tướng.

Nếu thật quán là như duyên phân biệt tưởng giả.

Kế dùng từ bi để trị sân. Trên giải thích trong nhãn nhưng thông suốt mà nói là như cầu đất, v.v... nên nói thông trị chưa trị sân nặng, nay chuyên tu từ bi để trị tức giận, cho nên nói biệt, do đây nói từ định gồm nói ba pháp khác, e tu từ tâm chẳng phải đã thích nghi, nên nói còn ba pháp tâm hoặc ưa muốn, đồng chấp ba pháp khác, là y bốn món tùy tu bốn vô lượng. Đối chuyển gồm đủ y cứ theo trên nên biết. Giải thích trị ngu si văn tướng rất lược, nên nêu bày các văn. Trong Tỳ-đàm do giới phương tiện phá các ngã, ngã và đoạn thường cùng chấp tánh cả ba đều thuộc si. Ban đầu phá ngã là kinh luận khác nhau, nên trong Tạp A-tỳ-đàm nói: Chấp kiến hạnh là do giới phương tiện, người ngu không rõ tức nghiệp phiền não chứa nhóm năm ấm duyên chấp ngã, phải tự thân dùng giới phương tiện, quán sát các thứ tánh, các thứ tướng, nghĩa là sáu giới như địa, v.v..., địa giới ấy là nước thấm nhuần, mà không lìa nhau, thủy giới ấy là địa giới trí, nên không lưu tán, hỏa giới thành thực nên không hư hoại, phong giới động nên được thường trụ, không giới không nên ăn được xuất nhân, có thức giới nên có sở tạo tác, do các duyên nên biết vô ngã. Lại quán thân này bất tịnh đầy đủ, như thổi bay cát, đối với pháp Vô sắc trước sau nối tiếp, quán sát như vậy thì được hạt giống của môn không giải thoát, ở đó sinh nhàm chán, được vô nguyện giải thoát

nên thành hạt giống, chánh hưởng về Niết-bàn, được hạt giống của môn Vô tướng giải thoát, đây gọi là giới phương tiện, nếu theo Đại kinh nói. Người nặng về chấp ngã, thì bị phân biệt mười tám giới pháp, nầy cùng mười tám giới khác chung riêng, luận bốn đại giới là nửa mười cõi sắc. Nói về thức giới là nửa bảy tâm giới, nhưng hợp sắc thành bốn, hợp tâm thành một, lại thêm không giới, giáo môn tùy cơ lia hợp bất định. Nay theo Thiền kinh, nhân duyên phá ngã. Trong Đại Tập cũng dùng hai đời phá ngã vì phân biệt khác, nên cố nêu chung giải thích.

Nói ba đời đoạn thường, ba đời nối tiếp nên không dứt; ba đời thay nhau ra đi nên không thường. Lại quá khứ phá thường, vị lai phá đoạn, hiện tại nhân quả đều phá đoạn thường.

Hai đời phá ngã; Là hai đời hiện tại vị lai có mười hai duyên, đối với cha sinh ái, đối với mẹ sinh sân, gọi là vô minh, di thể của cha bấy giờ gọi là mình có, gọi là hành, từ thức chi đến chi già chết, đồng với ba đời.

Nói một niệm: Đủ như trong cảnh diệu quyển ba của huyền Văn có nói: Niệm Phật trị thù miên như ở vắng.

Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoàng Quyết phần hai trong quyển bảy.